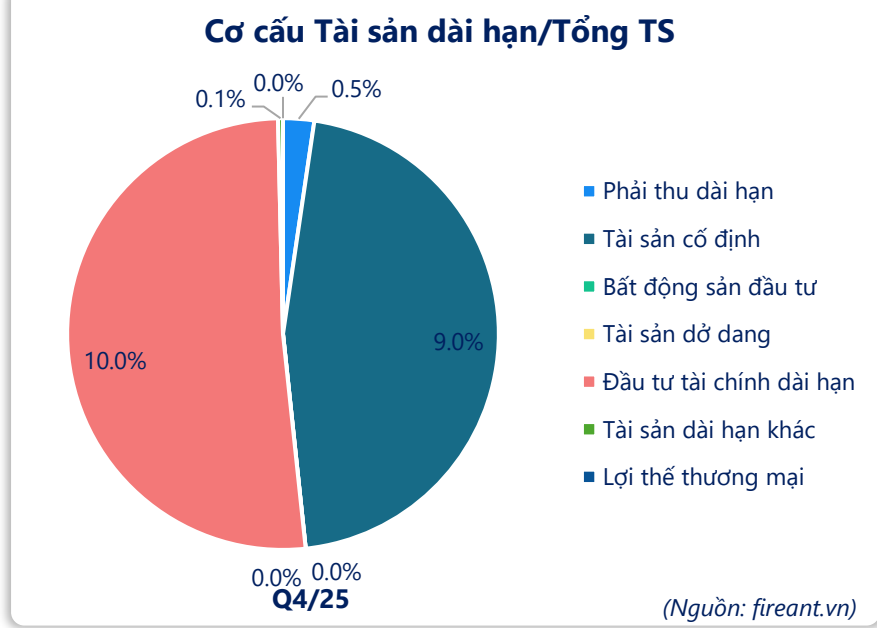
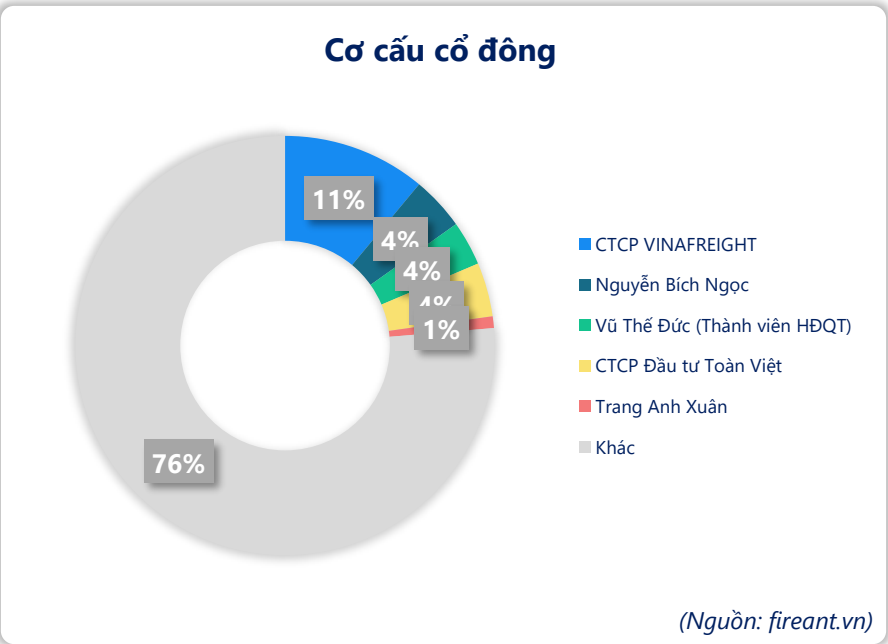
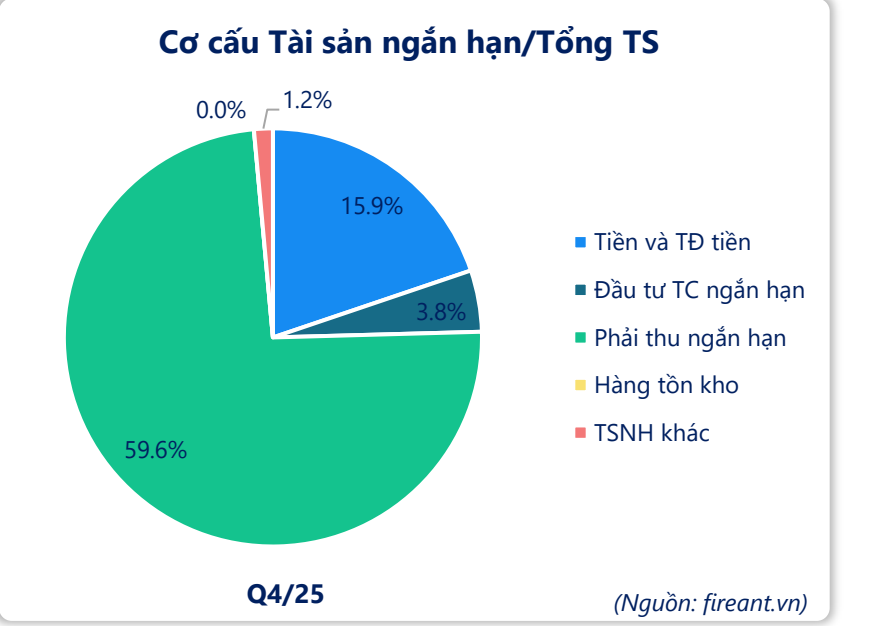
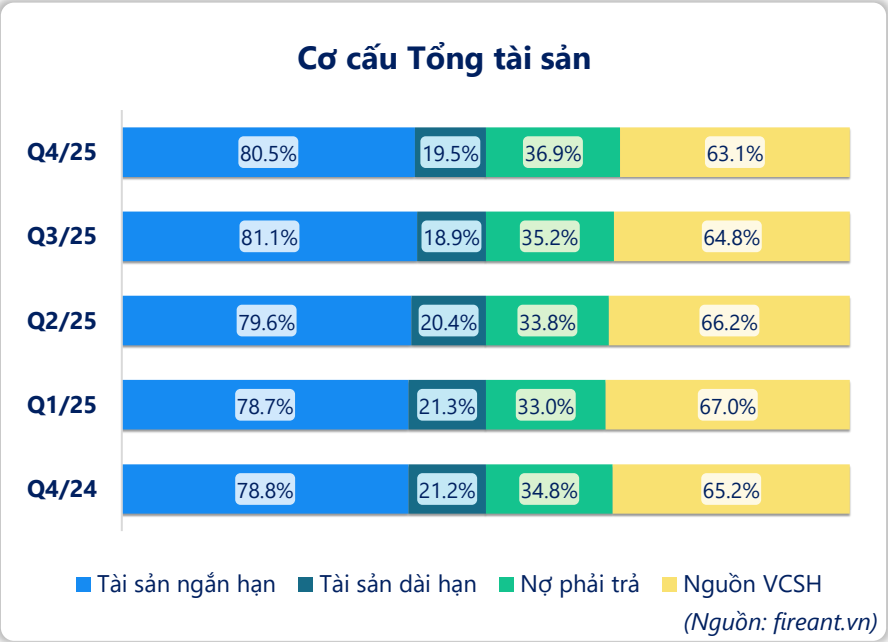
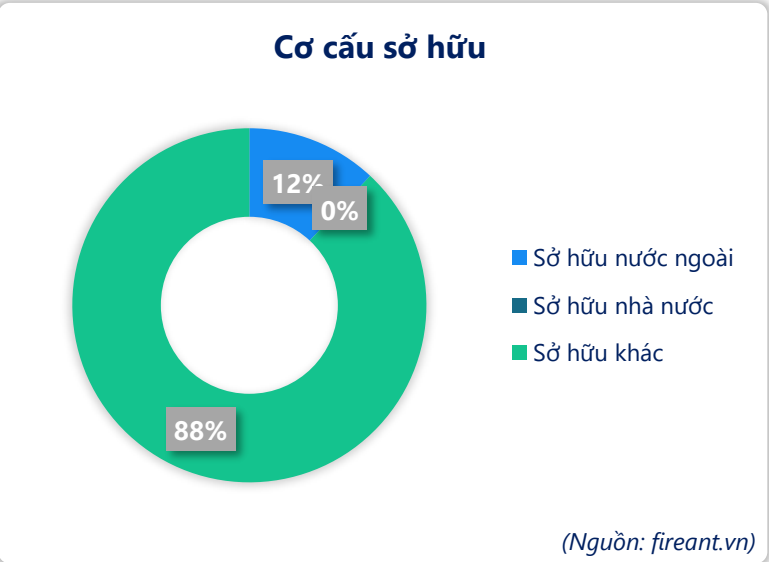
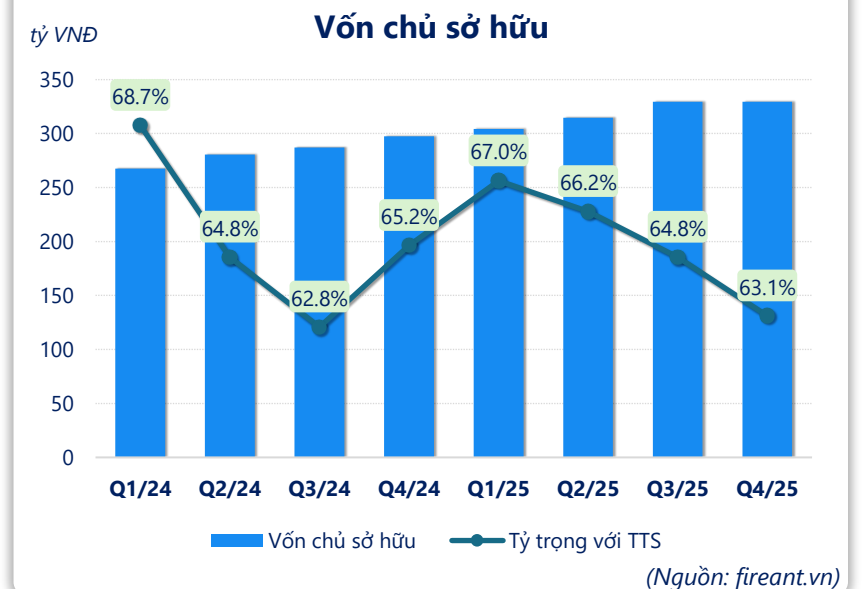
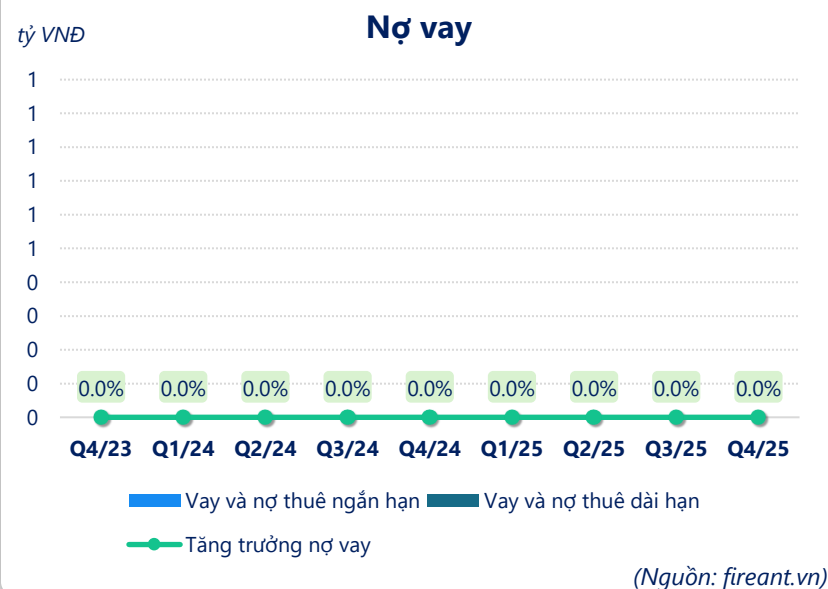
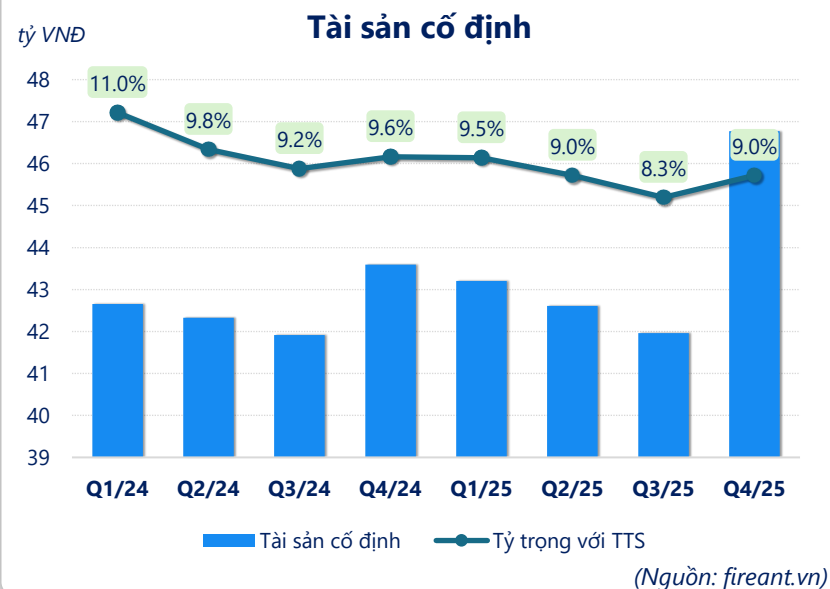
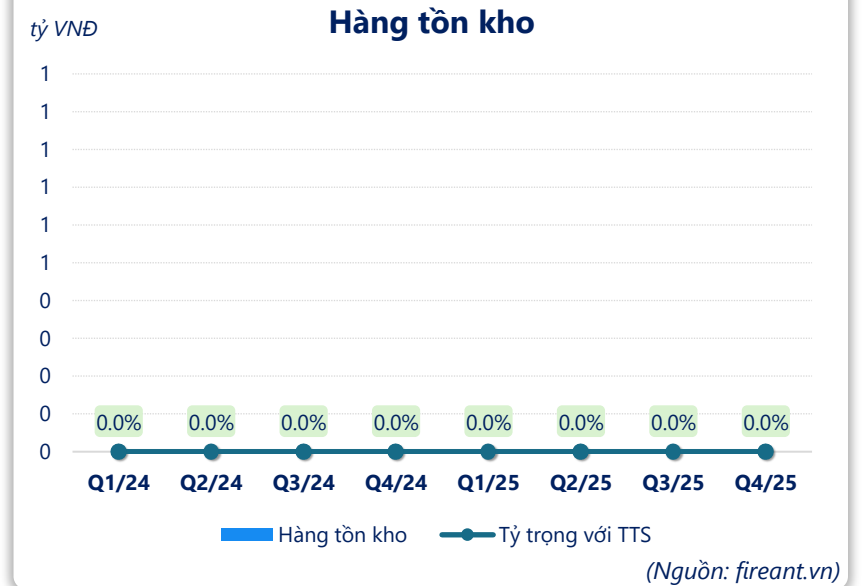
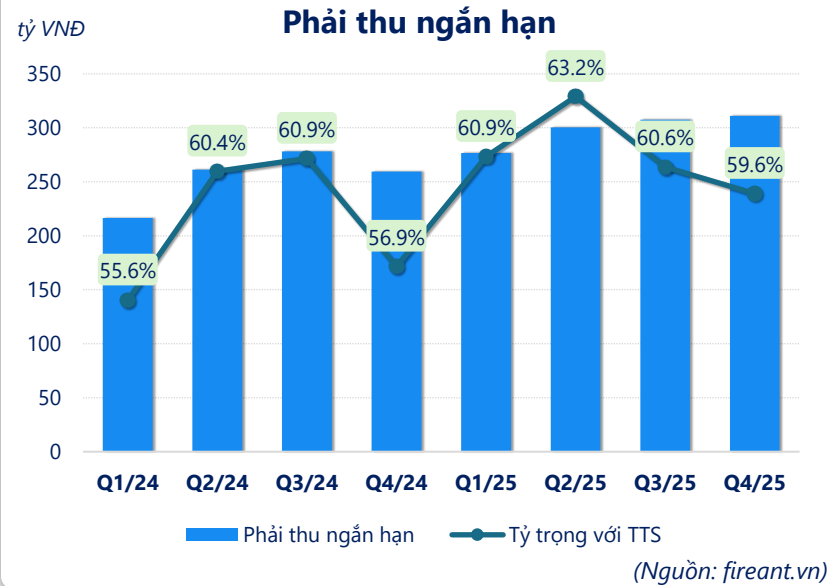
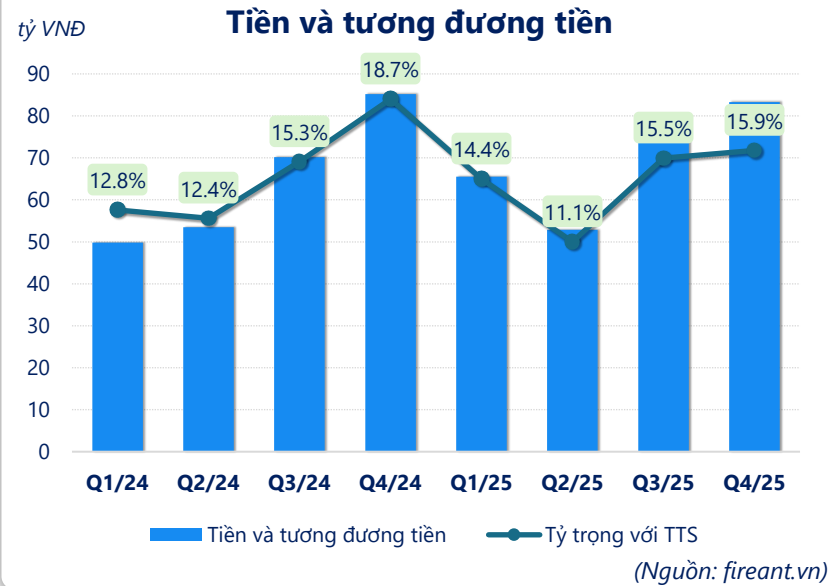
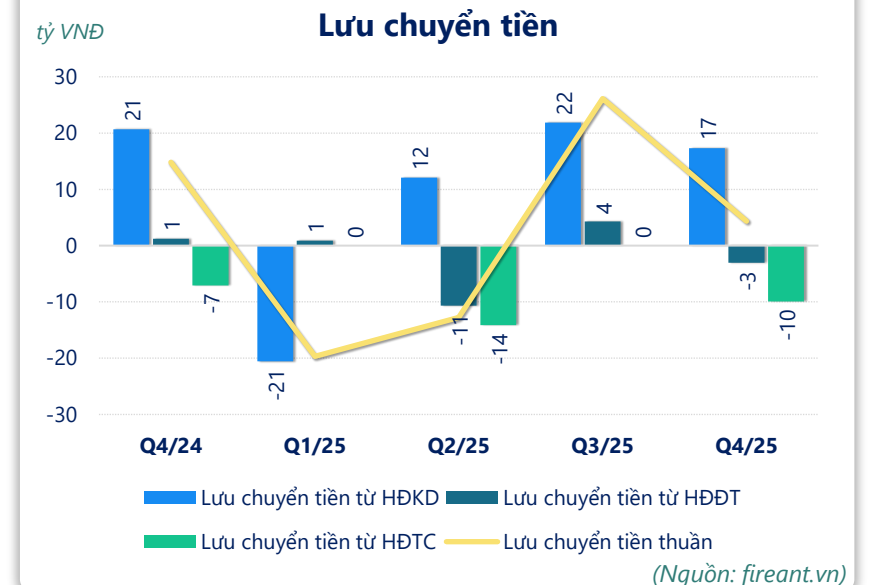
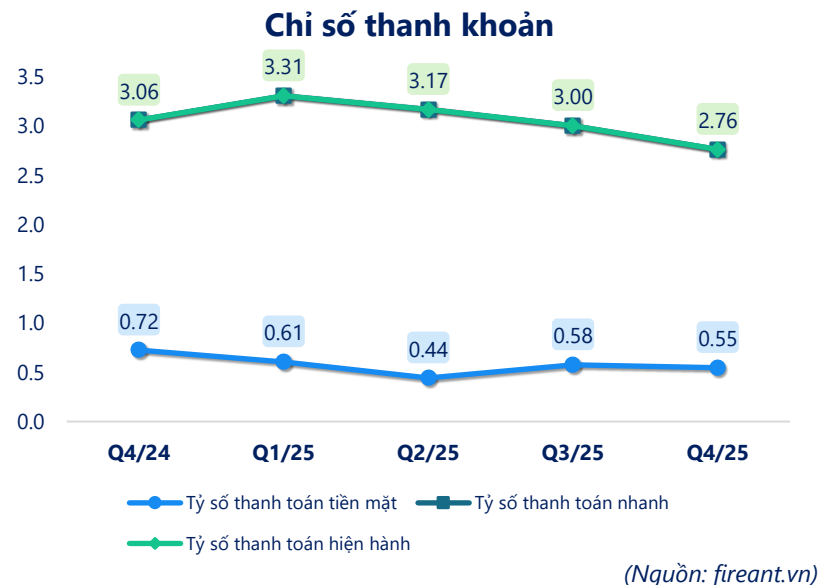
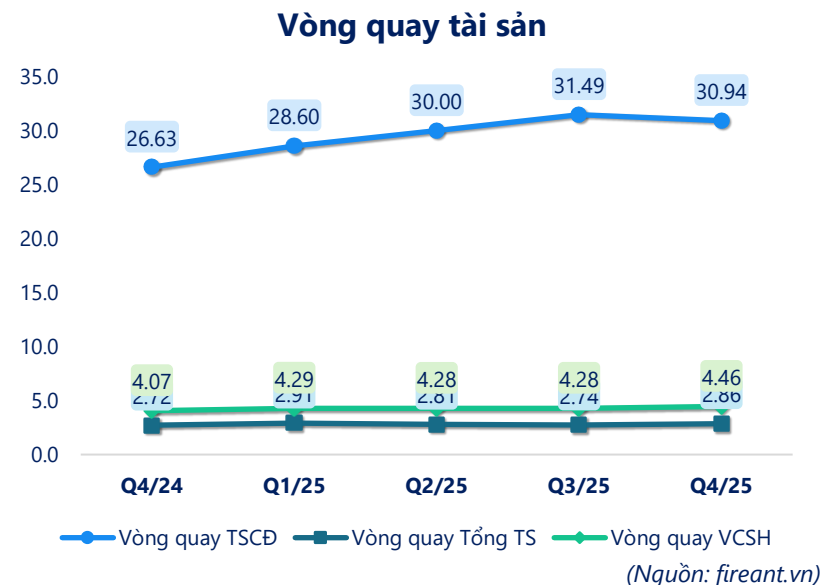
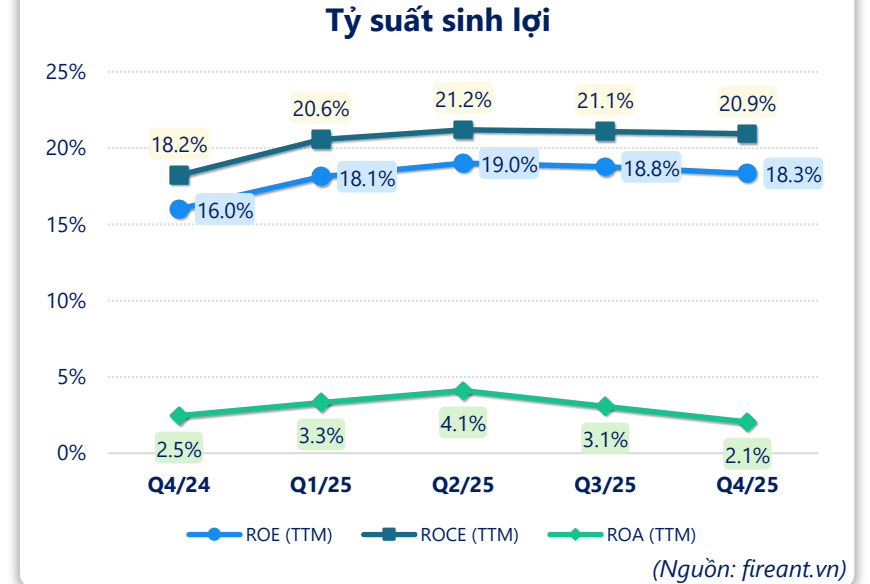
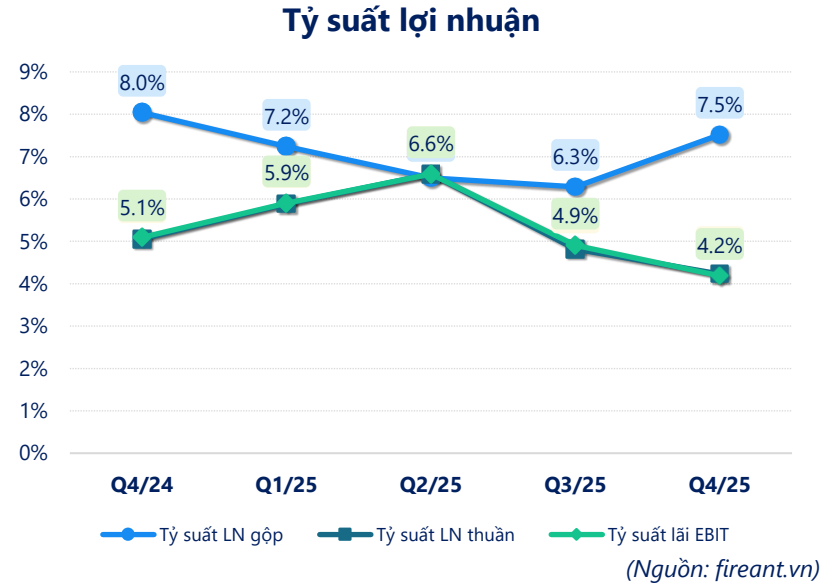
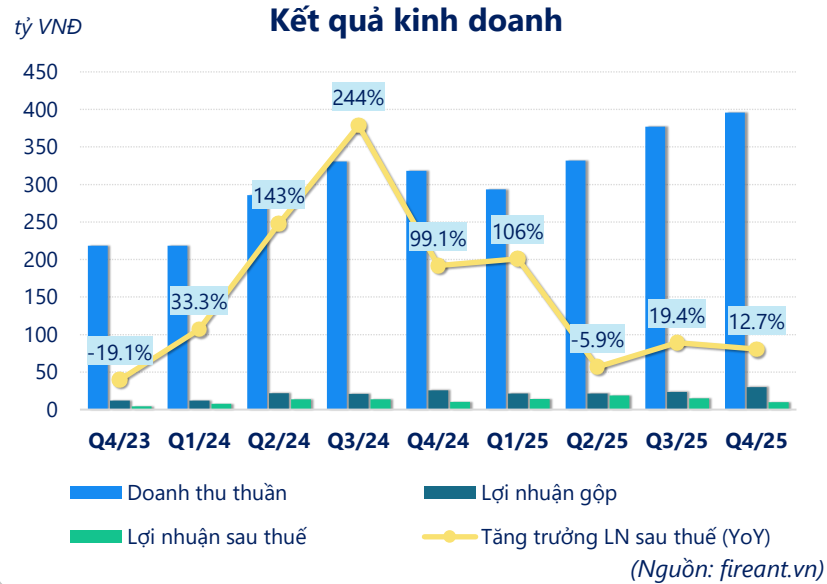


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		20,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		23,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,555
SL cổ phiếu LH		14,140,487
KLGD BQ 20 phiên (CP)		11,530
% sở hữu nước ngoài		12.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		294
P/E		5.1
EPS		4,066

	YTD	1T	3T	6T
VNL	32.1%	-9.2%	-4.6%	3.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	522	456	14.4%
Tài sản ngắn hạn	420	360	16.9%
Tiền và tương đương tiền	83.3	85.2	-2.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	10.0	100%
Phải thu ngắn hạn	311	260	19.8%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	6.12	4.76	28.5%
Tài sản dài hạn	102	96.9	5.0%
Phải thu dài hạn	2.37	2.43	-2.5%
Tài sản cố định	46.8	43.6	7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	52.2	50.0	4.3%
Tài sản dài hạn khác	0.37	0.83	-55.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	193	159	21.1%
Nợ ngắn hạn	152	118	29.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	85.1	68.8	23.7%
Nợ dài hạn	40.4	41.5	-2.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	330	297	10.8%
Vốn chủ sở hữu	330	297	10.8%
Vốn điều lệ	141	141	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	318	293	332	377	396
Giá vốn hàng bán	293	272	310	353	366
Lợi nhuận gộp	25.6	21.2	21.6	23.7	29.8
Doanh thu HĐTC	4.57	2.93	8.60	5.05	2.66
Chi phí TC	0.06	0.99	2.19	3.82	0.51
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	14.0	5.90	6.12	6.79	15.2
LN thuần từ HĐKD	16.1	17.3	21.9	18.1	16.7
Lợi nhuận khác	0.13	0.05	0.00	0.34	-0.17
LN trước thuế	16.2	17.3	21.9	18.5	16.6
Lợi nhuận sau thuế	10.4	14.0	18.7	14.8	10.0
LNST của CĐ cty mẹ	10.4	14.0	18.7	14.8	10.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.7	-20.5	12.1	21.8	17.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.20	0.85	-10.7	4.28	-3.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.07	0	-14.1	0	-9.90
Tiền đầu kỳ	70.1	85.2	65.5	52.8	79.0
Lưu chuyển tiền thuần	14.8	-19.7	-12.7	26.1	4.34
Ảnh hưởng tỷ giá	0.24	-0.01	0.06	0.03	-0.05
Tiền cuối kỳ	85.2	65.5	52.8	79.0	83.3

(Nguồn: fireant.vn)